

CÔNG TY TNHH NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO SÀI GÒN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty vi t b ng ti ng Vi t: CÔNG TY TNHH NĂNG LƯ' NG TÁI TẠO SÀI GÒN

Tên công ty vi t b ng ti ng nư c ngoài: SAIGON RENEWABLE ENERGY COMPANY LIMITED

Tên công ty vi t t t:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400945190

3. Ngày thành lập: 01/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Dâu, Xã Nghĩa Hưng, Huy n Lạng Giang, T nh B c Giang, Vi t Nam

Đi n thoại: 0911128888

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	L p đ t h th ng c p, thoát nư c, h th ng sư i và đi u hoà không khí	4322
2.	L p đ t h th ng xây d ng khác	4329
3.	Hoàn thi n công trình xây d ng	4330
4.	Hoạt đ ng xây d ng chuyên d ng khác	4390
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên li u (tr g , tre, n a) và đ ng v t s ng	4620
6.	Bán buôn đ d dùng khác cho gia đình	4649
7.	Bán buôn thi t b và linh ki n đi n t , vi n thông	4652
8.	Bán buôn máy móc, thi t b và ph tùng máy khác Chi ti t: bán buôn các loại máy công c , máy móc khác s đ ng cho sản xu t công nghi p, thương mại, hàng hải và d ch v khác; Các loại lò hơi, lò đ t khí hóa.	4659
9.	Bán buôn v t li u, thi t b l p đ t khác trong xây d ng	4663
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa đư c phân vào đâu Chi ti t: Bán buôn phân bón (không bao g m bán buôn hóa ch t và thu c tr sâu s đ ng trong nông nghi p); Bán buôn ph li u, ph thải kim loại, phi kim loại, ph ph m, ph ph m ngành ch bi n g , mền cửa, dăm bảo, dăm g , c i, đ u m u g .	4669
11.	Khai thác g	0220
12.	Khai thác lâm sản khác tr g	0231
13.	Thu nh t lâm sản khác tr g	0232
14.	Hoạt đ ng d ch v lâm nghi p	0240

15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh, sản xuất và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.	8299
16.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
17.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ lò đốt khí hóa.	7490
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710
19.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
20.	Cửa, cửa sổ, bảo vệ và bảo quản	1610
21.	Sản xuất giấy dán, giấy láng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
23.	Sản xuất bao bì bằng giấy	1623
24.	Sản xuất sản phẩm khác tổng hợp; sản xuất sản phẩm tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tổng hợp Chi tiết: Sản xuất viên nén gỗ, sản xuất than hoạt tính; Sản xuất sản phẩm khác tổng hợp; sản xuất sản phẩm tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tổng hợp	1629(Chính)
25.	In ấn	1811
26.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
27.	Sản xuất sản phẩm nhựa	2220
28.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
29.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
30.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
31.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
32.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
33.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
34.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hư hỏng và điều khiển	2651
35.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến tần điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
36.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
37.	Sản xuất thiết bị dây điện điện tử các loại	2733
38.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
39.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
40.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
41.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
42.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
43.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

44.	V n tải hàng hóa đư ng thu n i đ a	5022
45.	Kho bãi và lưu gi hàng hóa	5210
46.	Hoạt đ ng d ch v h tr tr c ti p cho v n tải đư ng th y	5222
47.	B c x p hàng hóa	5224
48.	Hoạt đ ng d ch v h tr tr c ti p cho v n tải đư ng b	5225
49.	Hoạt đ ng d ch v h tr khác liên quan đ n v n tải Chi ti t: Logistics và D ch v h tr khác liên quan đ n v n tải chưa đư c phân vào đâu	5229
50.	D ch v lưu trú ng n ngày	5510
51.	Nhà hàng và các d ch v ăn u ng ph c v lưu đ ng	5610
52.	Cung c p d ch v ăn u ng theo h p đ ng không thư ng xuyên v i khách hàng	5621
53.	Cho thuê máy móc, thi t b và đ dùng h u hình khác không kèm ngư i đi u khi n	7730
54.	Sản xu t giư ng, t , bàn, gh	3100
55.	Sản xu t đi n	3511
56.	Truy n tải và phân ph i đi n	3512
57.	Thu gom rác thải không đ c hại	3811
58.	Thu gom rác thải đ c hại	3812
59.	X lý và tiêu hu rác thải không đ c hại	3821
60.	X lý và tiêu hu rác thải đ c hại	3822
61.	Tái ch ph li u	3830
62.	X lý ô nhi m và hoạt đ ng quản lý ch t thải khác	3900
63.	Xây d ng công trình công ích khác	4229
64.	Xây d ng công trình k thu t dân d ng khác	4299
65.	Phá d	4311
66.	Chu n b m t b ng	4312
67.	L p đ t h th ng đi n	4321

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUY N TH TH Y	Vi t Nam	TDP Th ng Nh t, Th Tr n B Hạ, Huy n Yên Th , T nh B c Giang, Vi t Nam	3.000.000.000	33,333	024170011995	

2	NGUYỄN NG C TUẤN	Vi t Nam	45/34/1B Bình Tiên, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.000.000.000	33,333	024067000096	
3	LÊ H NG CHUÔNG	Vi t Nam	T 13, Phường Sài Gòn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	33,333	011760057	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NG C TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/05/1967

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý cá nhân: 024067000096

Ngày cấp: 03/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 45/34/1B Bình Tiên, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 45/34/1B Bình Tiên, Phường 07, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tổng cục Thuế